

T形螺母

钢/不锈钢制, 用于铝型材 (i-Modular 系统)

规格

类型

- N 型: 不带抗扭防护件
- V 型: 带抗扭防护件
- S 型: 重型

钢制, 镀锌, 蓝钝处理 SZ

不锈钢, 普通饰面 NB

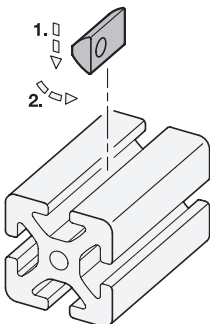
信息

T 形螺母 GN 50i 将连接件和附件固定在铝型材的槽中。
带弹簧顶珠可固定 T 形螺母, 防止其在槽中出现不必要的滑动, 从而使安装更加容易。
N 型和 V 型的 T 形螺母可以在任何位置旋转到槽中。

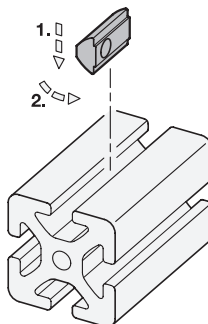


安装说明

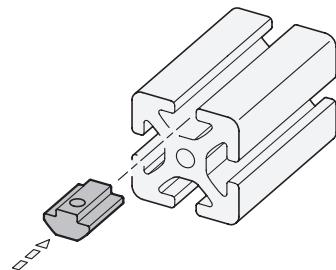
N 型

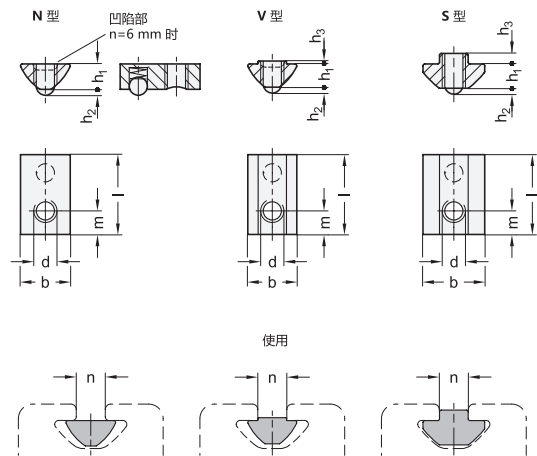


V 型



S 型





GN 50i-N

说明	n	d	b ≈	h1 ≈	h2 ≈	条长 l	m ≈	⚖
GN 50i-5M3-N-SZ	5	M 3	8	4	0.8	11.5	4	4
GN 50i-5M4-N-NB	5	M 4	8	4	0.8	11.5	4	3
GN 50i-5M4-N-SZ	5	M 4	8	4	0.8	11.5	4	3
GN 50i-5M5-N-SZ	5	M 5	8	4	0.8	11.5	4	2
GN 50i-5M5-N-NB	5	M 5	8	4	0.8	11.5	4	2
GN 50i-6M3-N-SZ	6	M 3	11	6	0.9	17	5	6
GN 50i-6M4-N-SZ	6	M 4	11	6	0.9	17	5	5
GN 50i-6M5-N-SZ	6	M 5	11	6	0.9	17	5	5
GN 50i-6M6-N-SZ	6	M 6	11	6	0.9	17	5	4
GN 50i-8M4-N-SZ	8	M 4	14	7	1.6	23	7	11
GN 50i-8M4-N-NB	8	M 4	14	7	1.6	23	7	11
GN 50i-8M5-N-SZ	8	M 5	14	7	1.6	23	7	10
GN 50i-8M5-N-NB	8	M 5	14	7	1.6	23	7	10
GN 50i-8M6-N-SZ	8	M 6	14	7	1.6	23	7	9
GN 50i-8M6-N-NB	8	M 6	14	7	1.6	23	7	9
GN 50i-8M8-N-SZ	8	M 8	14	7	1.6	23	7	8
GN 50i-8M8-N-NB	8	M 8	14	7	1.6	23	7	8

GN 50i-V

说明	n	d	b ≈	h1 ≈	h2 ≈	h3 ≈	条长 l	m ≈	⚖
GN 50i-5M3-V-SZ	5	M 3	8	4	0.8	0.7	11.5	4	3
GN 50i-5M4-V-SZ	5	M 4	8	4	0.8	0.7	11.5	4	2
GN 50i-5M5-V-SZ	5	M 5	8	4	0.8	0.7	11.5	4	1
GN 50i-6M3-V-SZ	6	M 3	11	6	0.9	0.5	17	5	6
GN 50i-6M4-V-SZ	6	M 4	11	6	0.9	0.5	17	5	5
GN 50i-6M5-V-SZ	6	M 5	11	6	0.9	0.5	17	5	4
GN 50i-6M5-V-NB	6	M 5	11	6	0.9	0.5	17	5	4
GN 50i-6M6-V-SZ	6	M 6	11	6	0.9	0.5	17	5	3
GN 50i-6M6-V-NB	6	M 6	11	6	0.9	0.5	17	5	3
GN 50i-8M3-V-SZ	8	M 3	14	7	1.6	0.9	23	7	15
GN 50i-8M4-V-SZ	8	M 4	14	7	1.6	0.9	23	7	14
GN 50i-8M5-V-SZ	8	M 5	14	7	1.6	0.9	23	7	13
GN 50i-8M6-V-SZ	8	M 6	14	7	1.6	0.9	23	7	12
GN 50i-8M8-V-SZ	8	M 8	14	7	1.6	0.9	23	7	10

GN 50i-S

说明	n	d	b ≈	h1 ≈	h2 ≈	h3 ≈	条长 l	m ≈	⚖
GN 50i-8M4-S-SZ	8	M 4	18	7	1.6	2.8	23	7	8
GN 50i-8M5-S-SZ	8	M 5	18	7	1.6	2.8	23	7	7
GN 50i-8M6-S-SZ	8	M 6	18	7	1.6	2.8	23	7	6
GN 50i-8M8-S-SZ	8	M 8	18	7	1.6	2.8	23	7	4